

Chương Trình (Agenda)

*Các em cần phải có sách vở và dụng cụ học đầy đủ khi đến trường
(Students need to bring all school supplies to school)*

1. Ôn bảng chữ cái chữ ghép, các dấu trong tiếng Việt. (Review 2 sections of Vietnamese alphabet & accent marks)
2. Tập ráp vần bài 2 và 3 (Practice how to pronounce the words in lesson 2 & 3)

Giờ nghỉ giải lao (Break Time): 15 phút (15 minutes)

3. Tập viết tại lớp những bài học và bài làm cũ (Finish up all old homework in class)

Bài làm ở nhà (Homework):

**** Nhờ các phụ huynh giúp các em ôn lại phần 1 ở dưới để tuần tới sẽ làm bài kiểm tra tại lớp.*

1. Kiểm Tra (Quiz) - Học cách pháp âm Bảng chữ cái, chữ ghép, các dấu trong tiếng Việt và Bài 1,2,3. (Review 2 sections of Vietnamese alphabet, accent marks and lesson 1,2,3)
2. Tất cả bài làm trong sách và trang giấy phát riêng phải nộp vào tuần tới nếu không nộp sẽ bị zero điểm . (All homework needs to be turned in by next week. If not, they will be graded as zero score)



Tên/Họ: _____

Bài Thi Thử

Điền vào chỗ trống theo thứ tự của bảng chữ cái:

A ____ B ____ D ____ E ____ H ____
K L ____ N O ____ P ____ R ____ T
____ V ____.

Điền vào chỗ trống theo thứ tự của bảng chữ ghép:

____ gh ____ kh ng ____
____ ph ____ th ____.

Điền các dấu vào cho đúng chỗ:

Dấu ngang: ____ Dấu á: ____ Dấu hỏi: ____
Dấu nặng: ____ Dấu sắc: ____ Dấu móc: ____
Dấu mũ: ____ Dấu ngã: ____ Dấu huyền: ____

Viết tên của các dấu sau đây:

^	_____	-	_____
~	_____	,	_____
?	_____	'	_____
˘	_____	.	_____
,	_____		

Tên/Họ: _____

Bài Thi Thử

Chọn cho đúng chữ cho mỗi hình dưới đây:

Kệ, Cò, dù, dê, bé, cá, ba, đàn, mắt, Cầu, Bông.



_____ sách (Bookshelf)



Cây _____ (Umbrella)



Con _____ (Goat)



Em _____ (Baby)



Cây _____ (Guitar)

TUẦN 7 - (WEEK 7)

October 21, 2006
Trường Việt Ngữ Lạc Hồng
Lớp Cấp 1A

Trang 4/4

Tên/Họ: _____



Con _____ (Fish)



_____ (Father)



Con _____ (Flamingo)



_____ (eye)



_____ (Bridge)



_____ (Flower)